

Hồ Bạch Thảo

Sắc dụ của Minh Thành Tổ thiết lập guồng máy cai trị tại nước ta

Đất nước ta từng bị các triều đại Trung-Quốc và cả Pháp đô hộ; thông thường nhà nước thống trị ủy nhiệm cho viên Thái-thú hoặc Toàn-quyền thu xếp mọi việc cai trị. Riêng vua Thành Tổ nhà Minh thì khác hẳn, nhà vua đích thân chỉ đạo mọi việc lớn nhỏ, vạch kế hoạch sâu sát từng chi tiết. Từ kinh đô Bắc-Kinh xa xôi, vua Thành Tổ đã dựng nên một guồng máy đô hộ nước ta và cẩn thận ghi trong sắc dụ chính thức tuyên bố cai trị nước ta vào ngày 1 tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 5 [1407]. Công trình này không đơn giản, ắt phải điều động nhiều người và thời gian mới soạn thảo xong, nội dung gồm những nét chính sau đây:

- Lập danh sách quan cai trị cấp trung ương (tam ty); riêng các phủ, châu, huyện có văn thư gửi kèm.
- Chia nước ta thành 15 phủ; nêu tên từng phủ cùng các châu, huyện trực thuộc. Lập 21 bến cảng cho thuyền bè đậu.
- Lập các kho tàng, các ty chuyên môn như các ty đặc trách về y học, Tăng đạo, Nho học.
- Đặt 67 ty tuần kiểm tại các yếu điểm (Sensitive area).
- Lập 5 sở chuyển vận, các trạm dịch cho ngựa.

Đây là tài liệu hữu ích cho các nhà nghiên cứu lịch sử, địa lý, cùng các nhà biên soạn địa phương chí. Bởi vậy, sau khi phiên dịch nguyên văn sắc dụ, chúng tôi lập thêm một bảng liệt kê để tóm tắt, nhằm giúp bạn đọc hình dung sự việc một cách cụ thể.

Ngày 1 tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 5 [1407]

Sắc dụ quan Tổng-binh Chinh Di Tướng-quân Tân-Thành-hầu Trương Phụ, Tả Phó-Tướng-quân Tây-Bình-hầu Mộc Thạnh, Tả Tham-tướng Phong-Thành-hầu Lý Bân, Hữu Tham-tướng Vân-Dương-bá Trần Húc, cùng các tiểu tướng hiệu:

Giặc họ Lê giết vua cướp nước, tiếm hiệu xưng kỷ nguyên, tàn bạo bất nhân, làm đau khổ cả một nước; lại xâm phạm lân bang, kháng cự triều mệnh, không làm tròn chức cống. Trẫm bất đắc dĩ sai các người mang quân phạt tội. Nhờ trời đất tổ tông phù hộ, tướng sĩ hết sức liều mình, binh uy tới mọi nơi đều được tiểu bình; bắt sống cha con nghịch tặc Lê Quý Ly, cùng bọn nguy quan; chiêu tập dân lương thiện, dung nạp kẻ hàng; không may xâm phạm của dân, chợ búa vẫn bình yên hội họp. Tin chiến thắng đưa về, hết sức mừng vui, ban trọng thưởng. Trước đây dưới thời Tống, Nguyên; An-Nam nghịch mệnh, mang quân đi đánh đều không lập được thành tích. Việc làm hôm nay thực hơn hẳn người xưa, danh thơm vĩ đại truyền mãi trăm đời. Nay đặc sai sứ mang sắc văn ủy lạo, nhân trời viêm nhiệt hãy chọn nơi cao ráo thoáng mát đóng quân để dưỡng người và ngựa, đợi lúc thời tiết trong mát cho ban sứ trở về nước.

Lại ban sắc dụ bọn Phụ: Người trước đây đã gửi trình biểu văn của bọn kỳ lão Mạc Thúc. Biểu văn xưng rằng con cháu nhà Trần bị giặc họ Lê sát lục, không còn người kế thừa; nên xin theo chế độ xưa, lập quận huyện để cai trị. Bèn ra lệnh các người lưu ý tìm thêm, lại nhận được lời tâu họ Trần quả đã tuyệt tự, quận huyện không thể không lập, vậy xin thiết lập tam ty^[1] để cai trị quân dân.

Nay chấp nhận theo lời xin; cho lập Giao-Chỉ Đô-Chỉ-huy Sứ Ty, sai Đô-đốc Lữ Nghị cai quản, Hoàng Trung giữ chức Phó, tuyển thêm 2 Đô-Chỉ-huy có năng lực cùng lãnh chức Phó. Cử Thượng-thư Hoàng Phúc kiêm nhiệm chức Bồ-Chánh-ty và Án-Sát-ty. Nguyên Thị-lang bộ Công Trương Hiến Tông, Bồ-chính-ty Phúc-Kiến Tả-Tham-chính Vương Bình lãnh chức Tả, Hữu Bồ-Chánh-sứ. Nguyên

Bổ-Chánh-ty Hà-Nam Tả Tham-Chính-ty Lưu Bản, Hữu Tham-chính Lưu Dục giữ chức Tả, Hữu Tham-chính. Nguyên Ân-sát-ty Giang-Tây Chu Quan Chính, người An-Nam qui phụ, tên Bùi Bá Kỳ, giữ chức Tả, Hữu Tham-chính. Nguyên Ân-Sát-ty Hà-Nam Nguyễn Hữu Chương, Ân-Sát Phó-sứ Dương Trực giữ chức Ân-Sát Phó-sứ. Nguyên Tri-phủ Thái-Bình Lưu Hữu Niên giữ chức Ân-sát Thiêm-sự. Lại riêng tuyển các quan cho điều đi, lãnh nguyên chức vụ tại các phủ, châu, huyện; nếu danh sách không đủ số sẽ ra lệnh bộ Lại thuyên chuyển đến. Nay gửi ấn tín ban cấp cho các người.

Đổi tên các địa danh sau đây của Giao-Chỉ:

- Đổi phủ Long-Hưng thành phủ Trấn-Man.
- Đổi phủ Kiến-Hưng thành phủ Kiến-Bình.
- Đổi phủ Thiên-Trường thành phủ Phụng-Hóa.
- Đổi phủ Tân-Hưng thành phủ Tân-An.
- Đổi châu Quốc-Oai thành châu Oai-Man.
- Đổi châu Tuyên-Quang thành châu Tuyên-Hóa.
- Đổi châu Thượng-Phúc thành châu Phúc-Yên.
- Đổi châu An-Bang thành châu Thanh [Tĩnh]-An. ^[2]
- Đổi châu Nhật-Nam thành châu Nam-Tĩnh.
- Đổi châu Bồ-chính thành châu Chính-Bình.
- Đổi châu Minh-Linh thành châu Nam-Linh.
- Đổi huyện Long-Nhãn thành huyện Thanh-Viễn.
- Đổi huyện Yên-Thế thành huyện Thanh-An.
- Đổi huyện Ứng-Thiên thành huyện Ứng-Bình.
- Đổi huyện Sơn-Minh thành huyện Sơn-Định.
- Đổi huyện Thượng-Phúc thành huyện Bảo-Phúc.
- Đổi huyện Long-Đàm thành huyện Thanh-Đàm.
- Đổi huyện Đan-Dương thành huyện Đan-Sơn.
- Đổi huyện Long-Bạt thành huyện Lũng-Bạt.
- Đổi huyện Thiên-Thi thành huyện Thi-Hóa.
- Đổi huyện Cổ-Chiến thành huyện Cổ-Bình.
- Đổi huyện Thống-Bình thành huyện Thống-Ninh.
- Đổi huyện Phật-Thệ thành huyện Thiện-Thệ.
- Đổi huyện Thiên-Bản thành huyện An-Bản.
- Đổi huyện Độc-Lập thành huyện Bình-Lập.
- Đổi huyện Lê-Gia thành huyện Lê-Bình.
- Đổi huyện Ngự-Thiên thành huyện Tân-Hóa.
- Đổi huyện Phí-Gia thành huyện Cổ-Phí.
- Đổi huyện An-Bang thành huyện Đồng-An.
- Đổi huyện An-Hưng thành huyện An-Hòa.
- Đổi huyện Trà-Long thành huyện Trà-Huyện.
- Đổi huyện Đổ-Gia thành huyện Cổ-Đổ.
- Đổi huyện Thượng-Lộ thành huyện Lộ-Bình.
- Đổi huyện Thượng-Phúc thành huyện Phúc-Khang.
- Đổi huyện Bồ-Chính thành huyện Chính-Hòa.
- Đổi huyện Đặng-Gia thành huyện Cổ-Đặng.
- Đổi huyện Tả-Bổ thành huyện Tả-Bình.
- Đổi huyện Thế-Vinh thành huyện Sĩ-Vinh.

Những địa danh còn lại, được giữ y như cũ.

Đặt các phủ, châu, huyện thuộc Giao-Chỉ.

Tất cả gồm 15 phủ: Giao-Châu, Bắc-Giang, Lạng-Giang, Tam-Giang, Kiến-Bình, Tân-An, Kiến-Xương, Phụng-Hóa, Thanh-Hóa, Trấn-Man, Lạng-Sơn, Tân-Bình, Diển-Châu, Nghệ-An, Thuận-Hóa.

1. Phủ Giao-Châu gồm 5 châu: Oai-Man, Phúc-An, Tam-Đái, Từ-Liêm, Lợi-Nhân. Bản phủ trực tiếp lãnh 2 huyện: Đông-Quan, và Từ-Quảng. Các châu dưới quyền gồm các huyện liệt kê như sau:
 - Châu Oai-Man lãnh 4 huyện: Sơn-Định, Thanh-Oai, Ứng-Bình, Đại-Đường.
 - Châu Phúc-An lãnh 3 huyện: Bảo-Phúc, Phù-Lưu, Thanh-Đàm.
 - Châu Tam-Đái lãnh 6 huyện: Phù-Long, An-Lãng, Phù-Ninh, An-Lạc, Lập-Thạch, Nguyệt-Tức.
 - Châu Từ-Liêm lãnh 2 huyện: Đan-Sơn, Thạch-Thất.
 - Châu Lợi-Nhân lãnh 6 huyện: Thanh-Liêm, Bình-Lục, Cổ-Bảng, Cổ-Lễ, Lợi-Nhân, [Cổ-Giả].^[3]

2. Phủ Bắc-Giang gồm 3 châu: Gia-Lâm, Vũ-Ninh, Bắc-Giang. Bản phủ trực tiếp lãnh 2 huyện: Siêu-Loại, và Gia-Lâm. Các châu dưới quyền gồm các huyện liệt kê như sau:
 - Châu Gia-Lâm lãnh 3 huyện: An-Định, Tế-Giang, Thiện-Tài.
 - Châu Vũ-Ninh lãnh 5 huyện: Tiên-Du, Vũ-Ninh, Đông-Ngạn-Ngàn, Từ-Sơn, An-Phong.
 - Châu Bắc-Giang lãnh Kỳ-Phúc, Thiện-Thệ, An-Việt.

3. Phủ Lạng-Giang gồm 3 châu: Lạng-Giang, Nam-Sách, Thượng-Hồng. Bản phủ trực tiếp lãnh 5 huyện: Thanh-Viên, Cổ-Dống, Phượng-Sơn, Na-Ngạn, Lục-Na. Các châu dưới quyền gồm các huyện liệt kê như sau:
 - Châu Lạng-Giang lãnh 4 huyện: Thanh-An, An-Ninh, Cổ-Lũng, Bảo-Lộc.
 - Châu Nam-Sách lãnh 3 huyện: Thanh-Lâm, Chí-Linh, Bình-Hà.
 - Châu Thượng-Hồng lãnh 3 huyện: Đường-Hào, Đường-An, Đa-Cầm.

4. Phủ Tam-Giang gồm 3 châu: Thao-Giang, Tuyên-Giang, Thi-Giang [Đà-Giang].
 - Châu Thao-Giang lãnh 4 huyện: Sơn-Vi, Ma-Khê, Thanh-Ba, Hạ-Hoa.
 - Châu Tuyên-Giang lãnh 3 huyện: Đông-Lan, Tây-Lan, Hồ-Nham.
 - Châu Đà-Giang lãnh 2 huyện: Lũng-Bạt, Cổ-Nông.

5. Phủ Kiến-Bình gồm 1 châu: Trường-Yên. Bản phủ thân lãnh 5 huyện: Ý-Yên, Yên-Bản, Bình-Lập, Đại-Loan, Vọng-Doanh.
 - Châu Trường-Yên lãnh 4 huyện: Uy-Viễn, Yên-Mô, An-Ninh, Lê-Bình.

6. Phủ Tân-An gồm 3 châu: Đông-Triều, Tĩnh-An, Hạ-Hồng. Bản phủ thân lãnh 5 huyện: Hiệp-Sơn, Thái-Bình, Đa-Dực, A-Khôi, Tây-Quan. Các châu dưới quyền gồm các huyện liệt kê như sau:
 - Châu Đông-Triều lãnh 4 huyện: Đông-Triều, An-Lão, Cổ-Phí, Thủy-Đường.
 - Châu Tĩnh-An lãnh 8 huyện: Đồng-An, Chi-Phong, An-Lập, An-Tân, An-Đại, Độc, Vạn-Ninh, Vân-Đồn.
 - Châu Hạ-Hồng lãnh 4 huyện: Trường-Tân, Tứ-Kỳ, Đồng-Lợi, Thanh-Miền.

7. Phủ Kiến-Xương gồm Khoái-Châu. Bản phủ trực tiếp lãnh 4 huyện: Bồng-Điền, Kiến-Xương, Bồ, Chân-Lợi.
 - Châu Khoái lãnh 5 huyện: Lữ-Thị, Hóa, Đông-Kết, Phù-Dung, Vinh-Cô.

8. Phủ Phụng-Hóa gồm 4 huyện: Mỹ-Lộc, Giao-Thủy, Tây-Chân, Thuận-Vi.

9. Phủ Thanh-Hóa gồm 3 châu: Thanh-Hóa, Ái, Cửu-Chân. Bản phủ lãnh 7 huyện: Cổ-Đẳng, Cổ-Hoảng, Đông-Sơn, Cổ-Lôi, Vinh-Ninh, An-Định, Lương-Giang.
 - Châu Thanh-Hóa lãnh 4 huyện: Nga-Lạc, Tế-Giang, An-Lạc, Lỗi-Giang.
 - Châu Ái lãnh 4 huyện: Hà-Trung, Thống-Ninh, Tống-Giang, Chi-Nga.
 - Châu Cửu-Chân lãnh 4 huyện: Cổ-Bình, Kết-Duyệt, Duyên-Giác, Nông-Cống.

10. Phủ Trấn-Man gồm 4 huyện: Tân-Hóa, Đình-Hà, Cổ-Lan, Thần-Khê.

11. Phủ Lạng-Sơn gồm 7 châu: Thất-Nguyên, Thượng-Văn, Hạ-Văn, Vạn-Nhai, Quảng-Nguyên, Thượng-Tứ, Hạ-Tứ-Lang. Bản phủ trực tiếp lãnh 7 huyện: Tân-An, Như-Ngao, Đơn-Ba, Khâu-Ôn, Trấn-Di, Uyên, Đồng.
 - Châu Thất-Nguyên gồm 6 huyện: Thủy-Lãng, Cầm, Thóat, Dung, Pha, Bình.
 - Thượng-Văn lãnh 3 huyện: Bôi-Lan, Khánh-Viễn, Khố.

12. Phủ Tân-Bình gồm 2 châu: Chính-Bình, Nam-Linh. Bản phủ trực tiếp lãnh 3 huyện: Phúc-Khang, Nha-Nga, Tri-Kiến.
 - Châu Chính-Bình lãnh 3 huyện: Chính-Hòa, Cổ-Đặng, Tòng-Chí.
 - Châu Nam-Linh lãnh 3 huyện: Đan-Duyệt, Tả-Bình, Hậu-Độ.

13. Phủ Diển-Châu gồm 1 châu: Diển-Châu. Bản phủ trực tiếp lãnh 4 huyện: Thiên-Đông, Phù-Dung, Phù-Lưu, Quỳnh-Lâm.
14. Nghệ-An gồm 2 châu: Nam-Thanh [Tĩnh] ^[4], Hoan. Bản phủ lãnh 8 huyện: Nha-Nghi, Phi-Lộc, Cổ-Đỗ, Chi-La, Chân-Phúc, Thổ-Do, Kệ-Giang, Thổ-Hoàng
- Châu Nam-Tĩnh lãnh 4 huyện; Hà-Hoàng, Nham-Thạch, Hà-Hoa, Kỳ-La.
 - Châu Hoan lãnh 4 huyện: Thạch-Đường, Đông-Ngan, Lộ-Bình, Sa-Nam.
15. Phủ Thuận-Hóa gồm 2 châu: Thuận, Hóa.
- Châu Thuận lãnh 3 huyện: Ba-Lãng, Lợi-Điều, An-Nhân.
 - Châu Hóa lãnh 7 huyện: Lợi-Phùng, Sĩ-Vinh, Sạ-Kim, Trà-Kệ, Tư-Dung, Bồ-Đài, Bồ-Lãng.

Đổi 5 trấn thành 5 châu:

Riêng 5 trấn cũ như Thái-Nguyên v.v... được đổi thành 5 châu: Thái-Nguyên, Tuyên-Hóa, Gia-hưng, Qui-Hóa, Quảng-Oai; tất cả trực thuộc vào ty BỐ-Chính.

- Châu Thái-Nguyên lãnh 11 huyện: Phú-Lương, Ty-Nông, Vũ-Lễ, Động-Hỷ, Vĩnh-Thông, Tuyên-Hóa, Lộng-Thạch, Đại-Tử, An Định, Cẩm-Hóa, Thái-Nguyên.
- Châu Tuyên-Hóa lãnh 9 huyện: Khoáng, Dương-Đạo, Văn-Yên, Bình-Nguyên, Đẻ-Giang, Thu-Vật, Đại-Man, Dương, Nhất.
- Châu Gia-Hưng lãnh 3 huyện: Lung, Mông, Tứ-Mang.
- Châu Qui-Hóa lãnh 4 huyện: An-Lập, Văn-Bàn, Văn-Chấn, Thủy-Vĩ.
- Châu Quảng-Oai lãnh 3 huyện: Ma, Lung, Mỹ-Lương.

Lập các kho tàng; ty, cục thuế khóa:

- Lập kho Vĩnh Doanh tại ty BỐ-chính Giao-Chỉ.
- Lập ty đặc trách về y học và tăng đạo tại phủ Giao-Châu.
- Xây trại nuôi ngựa trạm Phong Doanh và kho lúa Vĩnh Phong tại sông Lô.
- Lập kho Vĩnh Doanh, cùng kho lúa Thường Phong tại phủ Kiến-Bình.
- Lập kho lúa Phong Tế tại phủ Tam-Giang.
- Xây trường nho học tại châu Gia-Lâm.
- Lập ty thuế khóa tại 4 phủ: Giao-Châu, Bắc-Giang, Lạng-Giang, Kiến-Bình.
- Lập cục thuế khóa tại 8 châu: Phúc-An, Tam-Đái, Từ-Liêm, Lợi-Nhân, Hỷ [Gia]-Lâm, Vũ-Ninh, Bắc-Giang, Tuyên-Hóa.

- Lập cục thuế khóa tại 20 huyện: Ứng-Bình, Đại-Đường, Sơn-Định, Thanh-Oai, Ninh, Tế-Giang, Thiện-Tài, Vũ-Ninh, Đông-Ngàn, Thanh-Lâm, Chí-Linh, Bình-Hà, Cổ-Dống, Thanh-An, Thái-Bình, Đa-Dục, Hà-Hiện, Tây-Quan, Trường-Tân, Đồng-Lợi.
- Lập cục thuế khóa tại 5 địa phương: Xứ Ma-Lăng huyện Đa-Cẩm. Xứ Hạ-Xương huyện Bảo-Lộc. Xứ Kim-Lũ huyện Đường-Hào. Xứ Tư-Vương huyện Đường-An. Xứ Giáp-Sơn huyện Giáp-Sơn.

Bến thuyền bè đậu gồm 21 nơi:

- 1.
2. Dọc trường giang từ phủ Bắc-Giang cho đến châu Tam-Đái.
3. Tại Thượng-Cổ, châu Từ-Liêm.
4. Tại Dưỡng-Ngoạn, châu Lợi-Nhân
5. Vùng trường giang thuộc châu Tuyên-Hóa.
6. Tại Bình-Thần, huyện Từ-Liêm.
7. Tại Giang-Đàm thuộc huyện Đại-Đường.
8. Tại Sơn-Định, huyện Sơn-Định.
9. Tại Thanh-Oai, huyện Thanh-Oai.
10. Tại Kinh-Thai, huyện Đường-An.
11. Tại Ông-La, huyện Thanh-Viễn.
12. Cửa biển Yên-Mô, huyện Yên-Mô.
13. Tại Xa-Lật, huyện Đông-Kết.
14. Tại Viên-Quang, huyện Giao-Thủy.
15. Tại Phần-Trì, huyện Cổ-Dống.
16. Tại Đồng-Mỹ, huyện Bình-Hà.
17. Tại Cổ-Tê-Trường, huyện An-Lão.
18. Xã A-Niếp, huyện Chi-Phong.
19. Xã Tứ-Kỳ, huyện Tứ-Kỳ.
20. Bến sông tại xã Cá-lũ
21. Bến sông tại xã An-Định.

Đặt 67 ty tuần kiểm:

1. Bà-Gia, thuộc huyện Từ-Liêm.
2. Sông Tam-Nghi, huyện Ứng-Bình.
- 3.
4. Cửa sông Tam-Giang, cầu Trường-Tân, thuộc huyện Đại-Đường
- 5.
6. Cửa sông Hà-Lỗ, cầu Đường-Giang, thuộc huyện Phù-Dung.
7. Trấn tại cửa sông, huyện Phù-Long.
8. Trấn Viên-Sơn, huyện Phù-Ninh.
9. Trấn Xa-Lang, huyện Lập-Thạch.
10. Cửa sông Hát-Giang, huyện Đan-Sơn.
11. Kinh-Thử, huyện Thanh-Liêm.
12. Sông Ninh-Giang, huyện Bình-Lục.
- 13.
14. Cầu Pháo, cửa sông Vĩnh-Giang, thuộc huyện Cổ-Bảng.
- 15.
- 16.
17. Cửa sông Tam-Giang, Xá-Thượng, Cửu-Lan, thuộc huyện Gia-Lâm.
18. Cửa sông Bình-Than, huyện Thanh-Lâm.
19. Bến đò Cổ-Pháp, huyện Chí-Linh.
- 20.

- 21.
22. Cửa biển Đa-Ngư, cửa Đôi, cửa sông An-Phổ, thuộc huyện Bình-Hà.
23. Cửa sông A-Lao, huyện Đa-Cấm.
24. Trần-Xá, huyện Sơn-Vi.
25. Núi Hoa-Nguyên, huyện Ma-Khê.
26. Đãng-Hôi, huyện Hạ-Hoa.
27. Cửa sông Cổ-Lưu, huyện Đông-Lan.
28. Hiên-Quan, huyện Tây-Lan.
29. Cửa sông Tam-Kỳ, huyện Hồ-Nham.
30. Phí-Xá, huyện Lũng-Bản.
31. Sái-Xá, huyện Cổ-Nông.
32. Sông Lộ-Bái huyện Ý-Yên.
33. Cửa bể Đại-An, huyện Đại-Loan.
34. Sông Sơn-Thủy, huyện An-Ninh.
35. Núi Sinh-Dược, huyện Lê-Bình.
36. Cửa biển Thần-Đầu, huyện Yên-Mô.
- 37.
38. Sông Liêu, cửa kênh Đa-Các, thuộc huyện Thái-Bình.
39. Lật-Giang, huyện Đa-Dực.
40. Bến Chi-Long, huyện A-Khôi.
41. Xã Chi-Lai, huyện Tây-Quan.
42. Sông Thiên-Liêu, Đồn-Sơn thuộc châu Đông-Triều.
43. Cửa biển xã Phù-Đái, huyện Cổ-Phí,
44. Cửa biển Đa-Hỗn, thuộc huyện An-Lão.
45. Cửa biển Đồng-An, huyện Đồng-An.
46. Cửa biển xã Đa-Lý, huyện Chi-Phong.
47. Cửa biển Tiểu Bạch-Đặng, huyện An-Hòa.
48. Xã Ba-Liễu, huyện Trường-Tân.
- 49.
50. Đội Vực-Cá-Lâu, đội Du-Giang, đội Chúc-Thủy; huyện Tứ-Kỳ.
51. Đa-Dặc, huyện Đồng-Lợi.
52. Bồng-Điền, huyện Bồng-Điền.
53. Cửa sông Hoàng-Giang, huyện Kiến-Xương.
54. Cửa Hải-Môn, huyện Chân-Lợi.
55. Cửa khẩu Xa-Lật, huyện Đông-Kết.
56. Cửa khẩu sông Ninh-Giang, huyện Mỹ-Lộc.
57. Cửa khẩu Đái-Giang, huyện Tây-Chân.
- 58.
59. Cửa sông A-Giang, Hội-Giang, thuộc huyện Thuận-Vi.
- 60.
61. Cửa biển Thiêm-Phúc, cửa Giao, thuộc huyện Giao-Thủy.
62. Hương Thạch-Tư, thuộc huyện Thu-Vật.
63. Cầu Bắc-Quả, huyện Đại-Man.
64. Xã Chi-Lan, huyện Đương-Đạo.
65. Cửa sông Vị-Long, huyện Văn-An.
66. Bắc-Cù, huyện Bình-Nguyên.
67. Trấn Tích-Sơn, huyện Để-Giang.

Lập 7 trạm dịch dùng ngựa, gồm:

- Trạm Khương-Kiều, huyện Thanh-Liêm.
- Trạm Bảo-Phúc, huyện Bảo-Phúc.
- Trạm Gia-Lâm, huyện Gia-Lâm.
- Trạm Thị-Cầu, huyện Vũ-Ninh.
- Trạm Vĩnh-An, huyện Bình-Lục.

Trạm Sinh-Dược, huyện Lê-Bình.
Trạm Căn-Trạm, huyện Bảo-Lộc.

Lập 5 sở chuyển vận, gồm:

Sông Lô, tại phủ Giao-Châu.
Thị-Cầu, tại huyện Vũ-Ninh.
Căn-Trạm, tại huyện Bảo-Lộc.
Kê-Lăng.
Khâu-Ôn.

(*Minh Thực Lục*, quyển 68, trang đầu 946)

BẢNG LIỆT KÊ PHỦ HUYỆN THỜI THUỘC MINH KÈM CÁC CƠ SỞ ĐƯỢC THIẾT LẬP

VIẾT TẮT DÙNG CHO CÁC CƠ SỞ ĐƯỢC THIẾT LẬP:

kho: Kho hàng, kho lúa
thuế: Ty, cục thuế
bến: Bến đậu thuyền bè
tuần: Ty tuần kiểm
trạm: Trạm dịch
vận: Sở chuyển vận
trường: Trường Nho học
ty: Ty tăng đạo, ty y học

HUYỆN	CHÂU	PHỦ	CÁC CƠ SỞ
Đông-Quan		Giao-Châu	kho, ty, thuế, vận, ty tăng đạo,
Từ-Quảng		Giao-Châu	ty Nho học, ty y học,
Sơn-Định	Uy-Man	Giao-Châu	thuế, bến,
Thanh-Oai	Uy-Man	Giao-Châu	thuế, bến,
Ứng-Bình	Uy-Man	Giao-Châu	thuế, tuần,
Đại-Đường	Uy-Man	Giao-Châu	thuế, bến, tuần, tuần,
Bảo-Phúc	Phúc-An	Giao-Châu	thuế, trạm,
Phù-Lưu	Phúc-An	Giao-Châu	
Thanh-Đàm	Phúc-An	Giao-Châu	
Phù-Long	Tam-Đái	Giao-Châu	thuế, tuần,
An-Lăng	Tam-Đái	Giao-Châu	
Phù-Ninh	Tam-Đái	Giao-Châu	tuần,
An-Lạc	Tam-Đái	Giao-Châu	
Lập-Thạch	Tam-Đái	Giao-Châu	tuần,
Nguyệt-Tức	Tam-Đái	Giao-Châu	
Đan-Sơn	Từ-Liêm	Giao-Châu	thuế, bến, tuần, bến,

Thạch-Thất	Từ-Liêm	Giao-Châu	tuần,
Thanh-Liêm	Lợi-Nhân	Giao-Châu	thuế, bến, tuần, trạm
Bình-Lục	Lợi-Nhân	Giao-Châu	trạm, tuần,
Cổ-Bảng	Lợi-Nhân	Giao-Châu	tuần, tuần,
Cổ-Lễ	Lợi-Nhân	Giao-Châu	
Lợi-Nhân	Lợi-Nhân	Giao-Châu	tuần,
Cổ-Giả	Lợi-Nhân	Giao-Châu	
Siêu-Loại		Bắc-Giang	trạm, tuần, thuế, bến,
Gia-Lâm		Bắc-Giang	trường, tuần, tuần, tuần, trạm,
An-Định	Gia-Lâm	Bắc-Giang	thuế,
Tế-Giang	Gia-Lâm	Bắc-Giang	thuế,
Thiện-Tài	Gia-Lâm	Bắc-Giang	thuế,
Tiên-Du	Vũ-Ninh	Bắc-Giang	thuế, trạm, vận,
Đông-Ngàn	Vũ-Ninh	Bắc-Giang	thuế, thuế,
Từ-Sơn	Vũ-Ninh	Bắc-Giang	
An-Phong	Vũ-Ninh	Bắc-Giang	
Kỳ-Phúc	Bắc-Giang	Bắc-Giang	thuế,
Thiên-Thệ	Bắc-Giang	Bắc-Giang	
An-Việt	Bắc-Giang	Bắc-Giang	
Thanh-Viễn		Lạng-Giang	thuế, bến,
Cổ-Dống		Lạng-Giang	thuế, bến,
Phượng-Sơn		Lạng-Giang	
Na-Ngạn		Lạng-Giang	
Lục-Na		Lạng-Giang	
Thanh-An	Lạng-Giang	Lạng-Giang	thuế,
An-Ninh	Lạng-Giang	Lạng-Giang	tuần,
Cổ-Lũng	Lạng-Giang	Lạng-Giang	
Bảo-Lộc	Lạng-Giang	Lạng-Giang	thuế, trạm, vận,
Thanh-Lâm	Nam-Sách	Lạng-Giang	thuế, tuần,
Chí-Linh	Nam-Sách	Lạng-Giang	thuế, tuần,
Bình-Hà	Nam-Sách	Lạng-Giang	thuế, bến, tuần, tuần,
Đường-Hào	Thượng-Hồng	Lạng-Giang	thuế,
Đường-An	Thượng-Hồng	Lạng-Giang	thuế, bến,
Đa-Cẩm	Thượng-Hồng	Lạng-Giang	thuế, tuần,
Sơn-Vi	Thao-Giang	Tam-Giang	kho, tuần,

Ma-Khê	Thao-Giang	Tam-Giang	tuần,
Thanh-Ba	Thao-Giang	Tam-Giang	
Hạ-Hoa	Thao-Giang	Tam-Giang	tuần,
Đông-Lan	Tuyên-Giang	Tam-Giang	tuần,
Tây-Lan	Tuyên-Giang	Tam-Giang	tuần,
Hổ-Nham	Tuyên-Giang	Tam-Giang	tuần,
Lũng-Bản	Đà-Giang	Tam-Giang	tuần,
Cổ-Nông	Đà-Giang	Tam-Giang	tuần,
Ý-Yên		Kiến-Bình	kho, thuế, tuần, kho,
Yên-Bản		Kiến-Bình	
Bình-Lập		Kiến-Bình	
Đại-Loan		Kiến-Bình	tuần,
Vọng-Doanh		Kiến-Bình	
Uy-Viễn	Trường-Yên	Kiến-Bình	
Yên-Mô	Trường-Yên	Kiến-Bình	bến, tuần,
An-Ninh	Trường-Yên	Kiến-Bình	tuần,
Lê-Bình	Trường-Yên	Kiến-Bình	tuần, trạm,
Giáp-Sơn		Tân-An	thuế,
Thái-Bình		Tân-An	thuế, tuần, tuần,
Đa-Dực		Tân-An	thuế, tuần,
A-Khôi		Tân-An	tuần,
Tây-Quan		Tân-An	thuế, tuần,
Đông-Triều	Đông-Triều	Tân-An	tuần,
An-Lão	Đông-Triều	Tân-An	bến, tuần,
Cổ-Phí	Đông-Triều	Tân-An	tuần,
Thủy-Đường	Đông-Triều	Tân-An	
Đông-An	Tĩnh-An	Tân-An	tuần,
Chi-Phong	Tĩnh-An	Tân-An	bến, tuần,
An-Lập	Tĩnh-An	Tân-An	
An-Tân	Tĩnh-An	Tân-An	
An-Đại	Tĩnh-An	Tân-An	
Độc	Tĩnh-An	Tân-An	
Vạn-Ninh	Tĩnh-An	Tân-An	
Vân-Đồn	Tĩnh-An	Tân-An	
Trường-Tân	Hạ-Hồng	Tân-An	thuế, tuần,

Tứ-Kỳ	Hạ-Hồng	Tân-An	bến, tuần,
Đông-Lợi	Hạ-Hồng	Tân-An	thuế, tuần, tuần,
Thanh-Miền	Hạ-Hồng	Tân-An	
Bồng-Điền		Kiến-Xương	tuần,
Kiến-Xương		Kiến-Xương	tuần,
Bố		Kiến-Xương	
Chân-Lợi		Kiến-Xương	tuần,
Lữ-Thi	Khoái-Châu	Kiến-Xương	
Hóa	Khoái-Châu	Kiến-Xương	
Đông-Kết	Khoái-Châu	Kiến-Xương	tuần,
Phù-Dung	Khoái-Châu	Kiến-Xương	tuần, tuần,
Vĩnh-Cô	Khoái-Châu	Kiến-Xương	
Mỹ-Lộc		Phụng-Hóa	tuần,
Giao-Thủy		Phụng-Hóa	bến, tuần, tuần,
Tây-Chân		Phụng-Hóa	tuần,
Thuận-Vi		Phụng-Hóa	tuần, tuần,
Cổ-Đẳng		Thanh-Hóa	
Cổ-Hoảng		Thanh-Hóa	
Đông-Sơn		Thanh-Hóa	
Cổ-Lôi		Thanh-Hóa	
Vĩnh-Ninh		Thanh-Hóa	
An-Định		Thanh-Hóa	
Lương-Giang		Thanh-Hóa	
Nga-Lạc	Thanh-Hóa	Thanh-Hóa	
Tế-Giang	Thanh-Hóa	Thanh-Hóa	
An-Lạc	Thanh-Hóa	Thanh-Hóa	
Lỗi-Giang	Thanh-Hóa	Thanh-Hóa	
Hà-Trung	Ái-Châu	Thanh-Hóa	
Thống-Ninh	Ái-Châu	Thanh-Hóa	
Tống-Giang	Ái-Châu	Thanh-Hóa	
Chi-Nga	Ái-Châu	Thanh-Hóa	
Cổ-Bình	Cửu-Chân	Thanh-Hóa	
Kết-Duyệt	Cửu-Chân	Thanh-Hóa	
Duyên-Giác	Cửu-Chân	Thanh-Hóa	
Nông-Cống	Cửu-Chân	Thanh-Hóa	

Tân-Hòa		Trấn-Man	
Đình-Hà		Trấn-Man	
Cổ-Lan		Trấn-Man	
Thần-Khê		Trấn-Man	
Tân-An		Lạng-Sơn	
Như-Ngao		Lạng-Sơn	
Đơn-Ba		Lạng-Sơn	
Khâu-Ôn		Lạng-Sơn	vận,
Trấn-Di		Lạng-Sơn	vận,
Uyên		Lạng-Sơn	
Đồng		Lạng-Sơn	
Thúy-Lãng	Thất-Nguyên	Lạng-Sơn	
Cầm	Thất-Nguyên	Lạng-Sơn	
Thoát	Thất-Nguyên	Lạng-Sơn	
Dung	Thất-Nguyên	Lạng-Sơn	
Pha	Thất-Nguyên	Lạng-Sơn	
Bình	Thất-Nguyên	Lạng-Sơn	
Bối-Lan	Thượng-Văn	Lạng-Sơn	
Khánh-Viễn	Thượng-Văn	Lạng-Sơn	
Khố	Thượng-Văn	Lạng-Sơn	
Phúc-Khang		Tân-Bình	
Nha-Nga		Tân-Bình	
Tri-Kiến		Tân-Bình	
Chính-Hòa	Chính-Bình	Tân-Bình	
Cổ-Đặng	Chính-Bình	Tân-Bình	
Tòng-Chí	Chính-Bình	Tân-Bình	
Đan-Duệ	Nam-Linh	Tân-Bình	
Tả-Bình	Nam-Linh	Tân-Bình	
Hậu-Độ	Nam-Linh	Tân-Bình	
Thiên-Đông		Diễn-Châu	
Phù-Dung		Diễn-Châu	tuần,
Phù-Lưu		Diễn-Châu	
Quyển-Lâm		Diễn-Châu	
Nha-Nghi		Nghệ-An	
Phi-Lộc		Nghệ-An	

Cổ-Đỗ		Nghệ-An
Chi-La		Nghệ-An
Chân-Phúc		Nghệ-An
Thổ-Do		Nghệ-An
Kệ-Giang		Nghệ-An
Thổ-Hoàng		Nghệ-An
Hà-Hoàng	Nam-Thanh	Nghệ-An
Nham-Thạch	Nam-Thanh	Nghệ-An
Hà-Hoa	Nam-Thanh	Nghệ-An
Kỳ-La	Nam-Thanh	Nghệ-An
Thạch-Đường	Hoan-Châu	Nghệ-An
Đông-Ngạn	Hoan-Châu	Nghệ-An
Lộ-Bình	Hoan-Châu	Nghệ-An
Sa-Nam	Hoan-Châu	Nghệ-An
Ba-Lãng	Thuận	Thuận-Hóa
Lợi-Điều	Thuận	Thuận-Hóa
An-Nhân	Thuận	Thuận-Hóa
Lợi-Phùng	Hóa	Thuận-Hóa
Sĩ-Vinh	Hóa	Thuận-Hóa
Sạ-Kim	Hóa	Thuận-Hóa
Trà-Kệ	Hóa	Thuận-Hóa
Tư-Dung	Hóa	Thuận-Hóa
Bồ-Đài	Hóa	Thuận-Hóa
Bồ-Lãng	Hóa	Thuận-Hóa
Phú-Lương	Thái-Nguyên	
Ty-Nông	Thái-Nguyên	
Vũ-Lễ	Thái-Nguyên	
Động-Hỷ	Thái-Nguyên	
Vĩnh-Thông	Thái-Nguyên	
Tuyên-Hóa	Thái-Nguyên	
Lộng-Thạch	Thái-Nguyên	
Đại-Tử	Thái-Nguyên	
An-Định	Thái-Nguyên	
Cảm-Hóa	Thái-Nguyên	
Thái-Nguyên	Thái-Nguyên	

bến,

Khoảng	Tuyên-Hóa	thuế, bến,
Đương-Đạo	Tuyên-Hóa	tuần,
Văn-Yên	Tuyên-Hóa	tuần,
Bình-Nguyên	Tuyên-Hóa	tuần,
Đề-Giang	Tuyên-Hóa	tuần,
Thu-Vật	Tuyên-Hóa	tuần,
Đại-Man	Tuyên-Hóa	tuần,
Dương	Tuyên-Hóa	
Nhất	Tuyên-Hóa	
Lung	Gia-Hưng	
Mông	Gia-Hưng	
Tứ-Mang	Gia-Hưng	
An-Lập	Qui-Hóa	
Văn-Bàn	Qui-Hóa	
Văn-Chấn	Qui-Hóa	
Thúy-Vĩ	Qui-Hóa	
Ma	Quảng-Oai	
Mỹ-Lương	Quảng-Oai	

Chú thích:

^[1]Tam ty gồm 3 ty: Đô Chi-Huy-Sứ-ty, Bồ-Chánh-ty, Ân-Sát-ty.

^[2]Trong danh sách phủ, châu, huyện chép là Tĩnh-An, thuộc phủ Tân-An.

^[3]Sách *Thiên Hạ Quận Quốc* chép rằng tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 13 huyện Cổ-Giả bị gộp vào huyện Lợi-Nhân. (Theo Đào Duy Anh, *Đất nước Việt-Nam qua các đời*, trang 130).

^[4]Phần đổi các địa danh, chép đổi châu Nhật-Nam thành châu Nam-Tĩnh.